**PHỤ LỤC**

**Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW**

*(Kèm theo Công văn số 1214-CV/TU ngày 08/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

**Phụ lục 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **KẾT QUẢ** | **YÊU CẦU** |
| **I** | **Về tổ chức triển khai Nghị quyết** (Từ năm 2003 đến nay) |  |  |
|  | Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết |  |  |
|  | - Số cuộc hội nghị quán triệt riêng của cấp mình | cuộc |
|  | - Số cuộc phối hợp tổ chức quán triệt Nghị quyết trong các Hội nghị chuyên đề liên quan khác | cuộc |
|  | Số lượng, tỷ lệ đảng viên nghiên cứu, học tập nghị quyết | Người; ……% tỷ lệ đảng viên |  |
|  | Xây dựng, ban hành Nghị quyết, Chỉ thị/ Chương trình hành động/Kế hoạch thực hiện Nghị quyết (nêu rõ số lượng văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết được ban hành ở từng cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/ngànhvà tương đương:  - Cấp huyện/và tương đương:  - Cấp xã/và tương đương: | Trích yếu văn bản Chỉ thị/Chương trình/kế hoạch triển khai Nghị quyết |
|  | Tổ chức hướng dẫn kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ở từng cấp của tỉnh (tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả) | - Hàng năm  - 2 năm/lần  - 3 năm/lần  - Không kiểm tra, giám sát |  |
|  | Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết ở từng cấp ở tỉnh (tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả) |  | Nêu rõ lý do không tổ chức kiểm tra, giám sát: |
|  | Tổng số cuộc kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết đã được triển khai | ….………….cuộc |  |
|  | Tổng số cuộc kiểm tra, giám sát công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết | ……………..cuộc |  |
| ***II*** | ***Về xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ của từng cấp ở tỉnh*** |  |  |
|  | Số lượng cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo đối tượng, lĩnh vực… | - Cấp Trung ương:  - Cấp tỉnh/ngànhvà tương đương:  - Cấp huyện/và tương đương:  - Cấp xã/và tương đương: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|  | Số lượng cán bộ được cử đi luân chuyển, tạo nguồn theo đối tượng, lĩnh vực… | - Cấp Trung ương:  - Cấp tỉnh/ngànhvà tương đương:  - Cấp huyện/và tương đương:  - Cấp xã/và tương đương: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|  | Số lượng cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở nước ngoài theo đối tượng, lĩnh vực | - Cấp Trung ương:  - Cấp tỉnh/ngànhvà tương đương:  - Cấp huyện/và tương đương:  - Cấp xã/và tương đương: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
| ***III*** | ***Số lượng cán bộ ở từng cấp của tỉnh tham gia các cấp lãnh đạo, quản lý ở Trung ương và địa phương*** |  | So sánh nhiệm kỳ trước/sau có Nghị quyết số 23-NQ/TW |
|  | Số lượng cán bộ ở các cấp của tỉnh tham gia cấp uỷ Đảng các cấp nhiệm kỳ | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|  | + Cấp trung ương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025 |  |
|  | + Cấp huyện/tương đương | - NK 2005-2010  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025 |  |
|  | + Cấp xã/tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | Số lượng cán bộ ở các cấp của tỉnh ủy là Đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|  | + Cấp trung ương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp huyện/tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp xã/tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | Số lượng cán bộ ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy là đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ qua các nhiệm kỳ | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: | Tính từ năm 2003 đến năm 2022 |
|  | + Cấp Trung ương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp tỉnh/ngành và tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025 |  |
|  | + Cấp huyện/ và tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
|  | + Cấp xã/và tương đương | - NK 2005-2010:  - NK 2010-2015:  - NK 2015-2020:  - NK 2020-2025: |  |
| ***IV*** | ***Chủ trương, chính sách của ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*** | ***- Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:***  ***- Cấp huyện/thị và tương đương:***  ***- Cấp xã/ phường và tương đương:*** | ***Tính từ năm 2003 đến năm 2022*** |
| 1 | Số tổ chức, hội quần chúng được thành lập mới từ năm 2003 đến nay | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 2 | Số lượng cộng tác viên tham gia nắm bắt, phản ánh tình hình đoàn viên, hội viên và nhân dân theo các đối tượng, lĩnh vực. | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 3 | Số lượng quần chúng được tham gia các cuộc đối thoại định kỳ và đột xuất nhằm hiểu biết các chủ chương, chính sách mới của Đảng, nhà nước, của chính quyền địa phương các cấp | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 4 | Số lớp đào tạo bồi dưỡng chính trị theo các đối tượng, lĩnh vực | -Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 5 | Số lượng cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người lao động được cử đi tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng chính trị theo các đối tượng, lĩnh vực/tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 6 | Số lượng cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người lao động được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy/tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 7 | Số người được cử đi học nghề ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy/tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 8 | Số người được tạo việc làm mới sau khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy/tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 9 | Số lượng cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân được chăm sóc y tế định kỳ (1 năm khám sức khỏe /1 lần) ở các cấp của tỉnh /tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 11 | Số lượng cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội/tỷ lệ % ở các cấp của tỉnh ủy | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 12 | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân được hưởng chính sách về giáo dục, y tế, an sinh xã hôi, …ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 13 | Số lượng cán bộ công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân là đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách ưu tiên trong đào tạo, y tế, an sinh xã hôi, …ở các cấp của tỉnh, tỉ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 14 | Số lượng cuộccác vụ việc tiêu cực, tham ô, tham những, làm thất thoát, lãnh phí tài sản của nhà nước…..đã được phát giác và đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý ở các cấp của tỉnh /tỉ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 15 | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và người lao động đã vi pham, tham ô, tham nhũng, làm thất thoát, lãng phí tài sản của nhà nước… đã bị cơ quan có thẩm quyền xử lý ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| ***V*** | ***Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền nhà nước trong việc thực hiện chính sách đạo đoàn kết toàn dân tộc*** |  |  |
| 1 | Các cấp chính quyền địa phương có tiếp tục hoàn thiện, ban hành và thực hiện Quy chế dân chủ không? (Nếu có thì đề nghị tích vào ô có, không thì tích vào ô không, hoặc có thể nếu ý kiến khác) | Có  Không  Ý kiến khác |  |
| 2 | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, phong cách, phương thức công tác ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 3 | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức được xây dựng và thực hành phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”, “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 4 | Số cuộc tham gia giám sát, hoạt động của Ban thanh tra Nhân dân | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 5 | Tổng số Ban thanh tra Nhân dân ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 6 | Tổng số ủy viên của tổng số Ban thanh tra Nhân dân ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy | Số ……ủy viên |  |
| 7 | Tổng số đơn thư khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 8 | Số lượng tổ hòa giải ở cơ sở của tỉnh ủy/thành ủy | ……tổ hòa giải |  |
| 9 | Số lượng và tỉ lệ hòa giải thành công của tỉnh ủy/thành ủy | ……..số lượng/……….tỉ lệ hòa giải thành công |  |
| 10 | Số cuộc phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc các cấp | …….cuộc |  |
| 11 | Tổng số ý kiến, kiến nghị của cử tri, Nhân dân ở các cấp của tỉnh ủy/thành ủy | …………ý kiến |  |
| 12 | Có tổ chức lấy ý kiến của các tầng lớp nhân dân đối với những vấn đề lớn, chủ trương chính sách quan trọng của đất nước, của tỉnh ủy/thành ủy không? (Nếu có thì đề nghị tích vào ô có, không thì tích vào ô không, hoặc có thể nếu ý kiến khác | Có  Không  Ý kiến khác |  |
| ***VI*** | ***Mở rộng và đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân, nâng cao vị trí, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*** |  | ***Tính từ năm 2003 đến năm 2022*** |
| 1 | Số lượng cộng đồng dân cư tự quản ở các thôn, lành, bản, ấp, tổ dân phố được thành lập trên cơ sở hương ước, quy ước không trái pháp luật | ……..cộng đồng dân cư |  |
| 2 | Số lượngcán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân đã được Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phối hợp với cơ quan nhà nước hỗ trợ, xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu | …….người |  |
| ***VII*** | ***Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao trách nhiệm công dân, xây dựng sự đồng thuận xã hội, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước*** |  | ***Tính từ năm 2003 đến năm 2022*** |
| 1 | Các hình thức tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, của chính quyền địa phương các cấp nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới theo đối tượng, lĩnh vực (*(tích dấu V vào phương án trả lời ở cột Kết quả)* | Bằng văn bản  Bằng tờ rơi, pano, áp phích..  Bằng loa  Tuyên truyền miệng  Bằng tạp chí, báo đài,  Bằng tin nhắn,  Qua Internet  Qua room, trực tuyến  Bằng hình thức triệu tập tập trung trên hội trường  ….  Ý kiến khác |  |
| 2 | Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân tham gia các phong trào thi đua làm kinh tế giỏi, làm giàu hợp pháp ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 3 | Số cuộc vận động ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực, tệ nạn xã hội và văn hóa phẩm độc hại được triển khai ở các cấp của tỉnh | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 4 | Số lượng cán bộ, đảng viên, hội viên và thế hệ trẻ tham gia phong trào “cả nước trở thành một xã hội học tập”, “học tập suốt đời” ở các cấp của tỉnh | - Cấp Trung ương:  - Cấp tỉnh/ngành và tương đương:  - Cấp huyện/và tương đương:  - Cấp xã/và tương đương: |  |
| 5 | Số lượng đoàn viên, hội viên và nhân dân được tôn vinh, biểu dương việc tốt ở các cấp của tỉnh ủy | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| ***VIII*** | ***Xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng để Đảng thật sự là hạnh nhân lãnh đạo khối đại đoàn kết toàn dân tộc*** |  | ***Tính từ năm 2003 đến năm 2022*** |
| 1 | Số lượng đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 2 | Số lượng cán bộ, công chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và nhân dân ưu tú được tham gia lớp bồi dưỡng Đảng viên | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |
| 3 | Số lượng đảng viên được phát triển từ các cấp của Tỉnh ủy/thành ủy/tỷ lệ % | - Cấp tỉnh/thành ủy và tương đương:  - Cấp huyện/thị và tương đương:  - Cấp xã/phường và tương đương: |  |